

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **03/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 29/3/2019

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bạch Đình Ca.

2. Bà H Bliăk Niê.

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977.

2. Bị đơn: Ông Hoàng Đình O, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Thôn 7, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên toà nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày như sau:

Bà Nguyễn Thị T (nguyên đơn) và ông Hoàng Đình O (bị đơn) qua thời gian tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 10/5/1999 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã S, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc tại thôn 7, xã T, huyện C được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, bị đơn thường xuyên uống rượu về chửi bới, xúc phạm nguyên đơn. Một phần trước khi kết hôn với bị đơn, nguyên đơn có 01 người con riêng nên bị đơn thường lấy cớ để xúc phạm, ghen tuông với nguyên đơn. Ông bà đã có thời gian ly thân gần 01 năm nhưng sau đó được hai bên gia đình hòa giải, vì con cái nên ông bà lại về chung sống với nhau. Tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp tục kéo dài

không thể hàn gắn được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nguyên đơn không thể tiếp tục duy trì đời sống vợ chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Hoàng Đình Thiệu B, sinh ngày 06/3/2000 hiện nay đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con riêng của nguyên đơn: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn ông Hoàng Đình O trình bày như sau:

Bị đơn và nguyên đơn tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn như nguyên đơn trình bày là đúng.

Quá trình chung sống vợ chồng có đôi lúc xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Thời gian đầu sau khi kết hôn ông bà không hòa hợp, có thời gian ly thân dài nhưng những năm gần đây không có mâu thuẫn gì lớn. Bị đơn thừa nhận thỉnh thoảng có uống rượu về xúc phạm nguyên đơn nhưng bị đơn vẫn là người lo làm ăn, yêu thương vợ con nên đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung tên Hoàng Đình Thiệu B, sinh ngày 06/3/2000 hiện nay đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Hoàng Đình O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên HĐXX căn cứ các điều 227, 228 BLTTDS để xét xử vụ án.

[3] Về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định pháp luật và tại phiên tòa không cung cấp chứng cứ gì thêm. Do đó HĐXX sẽ xem xét các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập và đương sự giao nộp có lưu trong hồ sơ vụ án.

[4] Về nội dung tranh chấp:

Bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Đình O qua thời gian tìm hiểu đã tự nguyện

đăng ký kết hôn vào ngày 10/5/1999 tại UBND xã S, huyện Đ, tỉnh Nghệ An là đúng quy định pháp luật.

Theo nguyên đơn, quá trình chung sống ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, bị đơn thường xuyên xúc phạm và đánh đập nguyên đơn, gia đình hai bên đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn không thay đổi. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bị đơn. Bị đơn cũng thừa nhận đời sống chung của vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bản thân bị đơn thỉnh thoảng có uống rượu về chửi bới nguyên đơn nhưng vì còn yêu thương vợ con, không muốn gia đình tan vỡ nên bị đơn không đồng ý ly hôn.

Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không tham gia các buổi hòa giải đoàn tụ của Tòa án, không thể hiện được thiện chí muốn hàn gắn tình cảm, tháo gỡ mâu thuẫn. Qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho biết quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không hạnh phúc, thường xuyên to tiếng cãi vã nhau, vợ chồng có thời gian ly thân tình cảm bị rạn nứt, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không thể hàn gắn được, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Hoàng Đình Thiệu B, sinh ngày 06/3/2000 hiện nay đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố nguyên đơn bà Nguyễn Thị T được ly hôn với bị đơn ông Hoàng Đình O.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Hoàng Đình Thiệu B, sinh ngày 06/3/2000 hiện nay đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0007225 ngày 22/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- CCTHADS huyện C;
- Đương sự;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ HỒNG THANH